



MARKET LENS

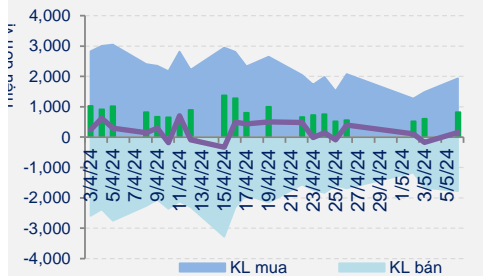
Phiên giao dịch ngày: 6/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

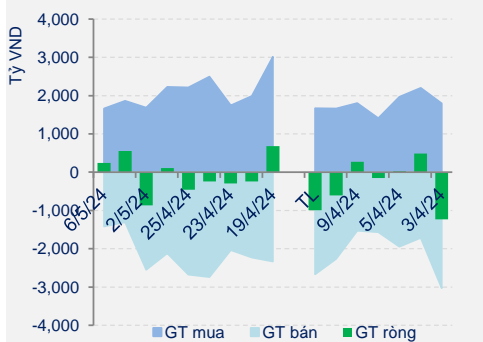
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,241.58	232.29
% Thay đổi	↑ 1.68%	↑ 1.78%
KLGD (CP)	821,531,093	87,051,236
GTGD (tỷ đồng)	20,838.83	1,955.05
Tổng cung (CP)	1,775,585,194	123,883,800
Tổng cầu (CP)	1,933,586,012	125,230,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,099,654	933,911
KL mua (CP)	62,941,839	2,862,822
GT mua (tỷ đồng)	1,658.64	89.52
GT bán (tỷ đồng)	1,416.31	30.31
GT ròng (tỷ đồng)	242.32	59.21

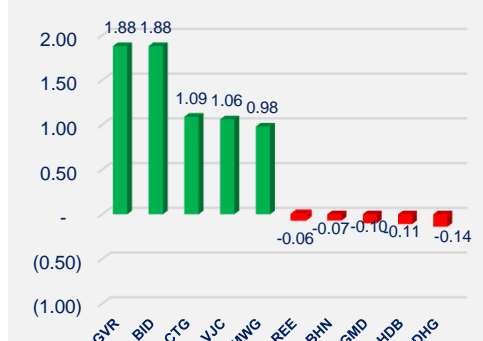
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục phiên giao dịch đầu tuần có diễn biến tích cực khi áp lực từ giá dầu hạ nhiệt. Đầu phiên VN-INDEX tăng điểm vượt lên vùng giá cao nhất các phiên giảm mạnh 16-17/04/2024, rung lắc nhẹ trong phiên với thanh khoản cải thiện hơn trong phiên sáng. Đà tăng duy trì đến cuối phiên, VN-INDEX kết phiên tăng 20,55 điểm (+1,68%) lên mức 1.241,58 điểm với thanh khoản cải thiện và đang kiểm tra lại vùng giá 1.245 điểm - 1.255 điểm tương ứng vùng giá cao nhất tháng 08-09/2023. HNX-INDEX tăng 4,07 điểm (1,78%) lên mức 232,29 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch duy trì tích cực với 419 mã tăng (37 mã tăng trần), khi nhiều mã/nhóm mã luân phiên phục hồi sau giảm mạnh, 109 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 186 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 22.784,88 tỷ đồng trong giao dịch, tăng tốt 23,93 % so với phiên trước, vẫn dưới mức trung bình. Mức độ phục hồi tốt hơn, mở rộng nhiều hơn ở các nhóm ngành, nhất là khi VN-INDEX vượt lên đường giá trung bình MA20 phiên quanh 1.225 điểm. Khỏi ngoại sau giai đoạn bán ròng liên tiếp đang có phiên thứ 2 mua ròng trở lại trên HOSE với giá trị 242,10 tỷ đồng, tập trung ở các cổ phiếu bán lẻ, chứng khoán; mua ròng trên HNX với giá trị 59,21 tỷ đồng, nổi bật ở IDC, SHS, PVS...

Theo Ngân hàng Nhà nước, hiện một số nội dung quy định tại Thông tư 11 không còn phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng 2024, cần được thay thế bằng thông tư mới. Thông tư mới kế thừa một số quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-NHNN ngày 2/8/2019 trong đó Điều 8 Dự thảo Thông tư mới quy định Ngân hàng Nhà nước quyết định ghi giảm toàn bộ vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc để giảm lỗ lũy kế tương ứng tại quyết định chuyển giao bắt buộc theo quy định tại Điều 183 Luật Các tổ chức tín dụng.

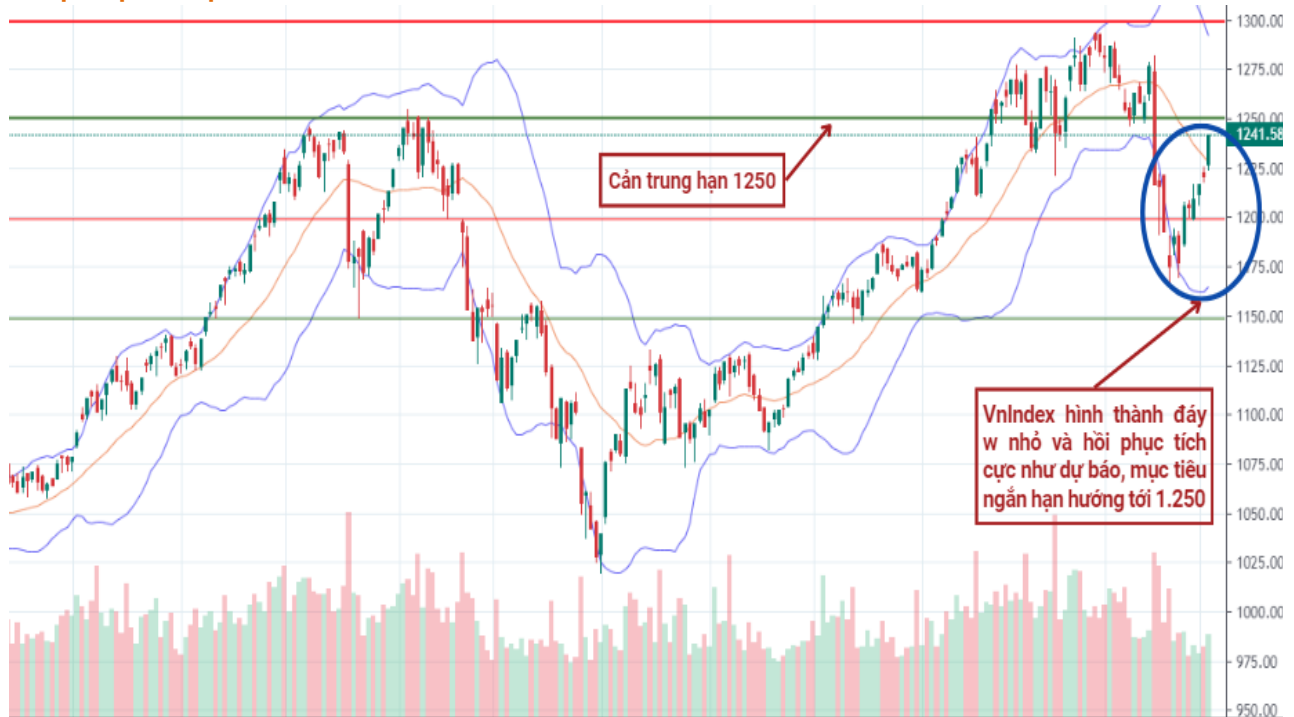
Tiếp xu hướng phục hồi, nhiều mã/nhóm mã tiếp tục có xu hướng tăng giá tích cực, nổi bật ở nhóm cổ phiếu dịch vụ hàng không khi nhiều mã tăng tốt, thanh khoản đột biến với VJC (+6,98%), HVN (+6,76%), VTR (+4,26%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính cũng phục hồi tốt khi tâm lý thị trường cải thiện trở lại, thanh khoản thị trường cải thiện, đa số tăng giá tốt, hết biên độ như BVS (+7,94%), FTS (+6,97%), CTS (+6,88%), BSI (+6,86%), VDS (+6,30%)...

Các cổ phiếu bất động sản sau áp lực điều chỉnh, phân hóa cũng phục hồi mạnh khá tích cực khi có nhiều mã tăng tốt, giá vượt đỉnh cũ, thanh khoản khá đột biến, nổi bật với PXL (+9,30%), NTL (+6,99%), NHA (+6,90%), QCG (+6,84%), TCH (+6,77%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như NBB (-1,84%), TDH (-0,77%), KDH (-0,56%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng phục hồi tăng giá tốt, nhiều mã tích cực giá tiệm cận vùng đỉnh cũ, nổi bật như IDC (+3,89%), GVR (+6,12%), SIP (+5,16%), LHG (+4,20%)...

Các cổ phiếu phân bón cũng phục hồi tăng giá mạnh, nhiều mã tăng hết biên độ khi kết quả kinh doanh quý I tích cực, thanh khoản gia tăng tốt như DDV (+14,19%), BFC (+6,90%), LAS (+5,21%), DPM (+2,78%)... Nhóm cổ phiếu dầu khí hầu hết cũng tăng giá tích cực, nổi bật ở các cổ phiếu vận tải dầu khí khi có nhiều mã tăng giá vượt vùng đỉnh cũ, thanh khoản khá đột biến như VTO (+6,85%), PVP (+4,29%), PVB (+4,60%), CNG (+4,36%), PVC (+3,57%)...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng phân hóa hơn, nhiều mã tăng giá tích cực, thanh khoản dưới mức trung bình với MSB (+3,32%), BID (+2,64%), CTG (+2,47%), VIB (+2,36%)... ngoài PGB (-2,21%), HDB (-0,61%)... điều chỉnh nhẹ, thanh khoản trên mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 tăng mạnh 20,4 điểm (01,63%), chênh lệch âm -4,62 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 8,20% so với phiên trước, cho thấy các vị thế mua trong phiên giá tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2405 đang phục hồi với hỗ trợ gần nhất quanh 1.250 điểm, giá thấp nhất ngày 15/04. Kháng cự mạnh quanh 1.280-1.287 điểm, tương ứng giá cao nhất phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -1,72 điểm đến 0,88 điểm so với VN30, mức chênh lệch thu hẹp cho thấy các trader dần lạc quan hơn với xu hướng của VN30, nhưng vẫn đang ưu tiên các vị thế các vị thế phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở, VN30.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường có phiên tăng điểm khá mạnh và là phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp sau khi Vn-Index hình thành đáy w nhỏ. Chốt phiên Vn-Index tăng 20,55 điểm (+1,68%) lên mức 1.241,58 điểm.

Trong ngắn hạn, diễn biến thị trường vẫn đang như chúng tôi đã nhận định và dự báo trong các bản tin trước khi Vn-Index đang tiếp tục xu hướng hồi phục sau khi hoàn thành mô hình W vào phiên ngày 24/4/2024. Thị trường khả năng sẽ sớm có rung lắc khi chỉ số tiệm cận ngưỡng cản trung hạn quanh vùng 1.250 điểm và diễn biến tại khu vực này sẽ quyết định xu hướng tiếp theo.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index đã trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và đang trong nhịp tăng ngắn hạn của vận động Swing trong kênh tích lũy, xu hướng trung hạn vẫn là vận động tích lũy và quá trình tích lũy có thể kéo dài hơn bởi thị trường sẽ cần nhiều thời gian vận động chặt chẽ lại. Tuy nhiên hiện Vn-Index đã tiệm cận với cản trên của kênh tích lũy nên cơ hội giải ngân trung hạn là không rõ ràng.

Thị trường vận động theo kịch bản tích cực và Vn-Index sớm kiểm định ngưỡng cản trung hạn tại vùng 1.250 điểm, sau nhiều phiên tăng điểm liên tiếp Vn-Index rất có thể sẽ có các nhịp rung lắc do đó cơ hội giải ngân ngắn hạn khá hạn chế và chúng tôi không khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn giải ngân ở vùng giá hiện tại, nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ đợi nhịp rung lắc điều chỉnh. Với nhà đầu tư trung - dài hạn, thị trường đang vận động trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm nhưng đang trong nhịp tăng ngắn hạn nên mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn khi Vn-Index đang vận động ở nửa trên của kênh tích lũy, nếu muốn giải ngân thêm nhà đầu tư trung hạn nên chờ nhịp rung lắc mới.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

6/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	61.50	47-51	60-61	52	10.5	115.2%	370.4%	Theo dõi giải ngân
DPR	39.2	34.5-36.5	43-44	35	16.7	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân
CTD	67.2	59-62	78-80	57	35.3	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	127.6	110-114	134-136	100	23.9	20.6%	20.4%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.65	18.09	23-24	21	14.2%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	33.50	32	38-39	32	4.7%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	33.25	32.2	37-38	32	3.3%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	15.80	14.2	18-18.5	15	11.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	39.20	36.8	43-44	37	6.5%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	30.25	28.75	32-33	29	5.2%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	127.60	114.2	134-136	123	11.7%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Áp lực lạm phát và dự trữ ngoại hối sẽ khiến NHNN thận trọng hơn trong nới lỏng chính sách tiền tệ**

Trong năm 2024, NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng là 15% và chỉ đạo các NHTM đẩy mạnh triển khai, thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Các ngân hàng thương mại đang nỗ lực tăng trưởng tín dụng bằng cách đơn giản hóa các quy định, thủ tục và hạ lãi suất. Tuy nhiên, nhu cầu tín dụng yếu nên đến nay tăng trưởng tín dụng mới chỉ đạt hơn 1%. Điều này khiến NHNN nhiều khả năng sẽ kiên định trong việc duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Mặc dù vậy, việc điều hành chính sách tiền tệ đang đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro như giá dầu quốc tế tăng, giá lương thực tăng do biến đổi khí hậu. Ngoài ra, lượng dự trữ ngoại hối đã giảm mạnh và áp lực tỷ giá USD/VND tăng cao khiến NHNN thận trọng hơn trong các chính sách cắt giảm lãi suất trong tương lai.

Giá vàng SJC tăng vọt, lập kỷ lục 86 triệu đồng/lượng

Giá vàng SJC tại Việt Nam tiếp tục tăng mạnh và lập kỷ lục mới, vượt mốc 86 triệu đồng/lượng vào sáng 06/05. Giá vàng SJC tại Vàng bạc đá quý Sài Gòn tăng thêm 300 nghìn đồng/lượng chiều mua và 100 nghìn đồng/lượng chiều bán lên 83,8 -86,0 triệu đồng/lượng, cao nhất từ trước đến nay. Giá vàng thế giới tương đương với 71 triệu đồng/lượng (chưa bao gồm thuế, phí). Tuy nhiên, diễn biến của vàng SJC gây bất ngờ khi ngược chiều với giá vàng thế giới và những nỗ lực của cơ quan điều hành nhằm thu hẹp chênh lệch giá vàng. Các phiên đấu thầu vàng của Ngân hàng Nhà nước vừa qua đều không thành công.

Giá xuất khẩu gạo sang Philippines đạt mức cao nhất 4 năm

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, quý 1/2024, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Philippines đạt 1,45 tỷ USD, tăng 17% so với mức 1,23 tại cùng kỳ năm trước (YoY). Việt Nam xuất khẩu 33 mặt hàng chính, trong đó gạo là mặt hàng duy nhất có giá trị trên 100 triệu USD. Sự tăng trưởng kim ngạch có sự đóng góp lớn từ việc tăng giá xuất khẩu gạo trung bình khi đạt 641 USD/ tấn, tương ứng tăng 27% YoY. Nếu không tính quý 1/2020 do Tổng cục Hải quan không công bố số liệu xuất khẩu gạo sang các thị trường từ Tổng cục Hải quan, đây sẽ là mức giá cao nhất trong một thập kỷ qua. Clinker và xi măng là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ hai với 81 triệu USD, tiếp đến là điện thoại và linh kiện với 77 triệu USD, tăng 62% YoY.

Tăng thêm gần 700 tỷ đồng đầu tư dự án kết nối giao thông miền núi phía Bắc

Bộ GTVT đã phê duyệt điều chỉnh Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc, do Ngân hàng Phát triển châu Á và Chính phủ Australia tài trợ, với tổng mức đầu tư là 6.018,1 tỷ đồng, tăng gần 700 tỷ đồng so với ban đầu. Dự án này nhằm rút ngắn hành trình từ các trung tâm chính trị kinh tế của tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái và các địa phương khác có liên quan về thủ đô Hà Nội, giúp nâng cao hiệu quả khai thác đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai. Nguyên nhân dự án cần tăng vốn đầu tư là do chi phí giải phóng mặt bằng đã tăng 708,350 tỷ đồng, lên mức 1.020,341 tỷ đồng. Dự án sẽ có tiến độ thực hiện 5 năm (từ năm 2019 - 2024).

TIN DOANH NGHIỆP**Cổ đông lớn tại VMS vừa có sự hoán đổi**

Cơ cấu cổ đông tại CTCP Phát triển Hàng Hải (VMS) có biến động khi TM Holding nâng tỷ lệ sở hữu lên 13.49% sau khi mua vào lượng lớn cổ phiếu, trong khi Maserco rời đi sau khi bán ra toàn bộ cổ phiếu VMS nắm giữ. Công ty TNHH Quỹ TM Holding đã mua 800,000 cp VMS vào ngày 02/05, nâng sở hữu từ hơn 414,000 cp lên hơn 1.2 triệu cp, chính thức ngồi vào ghế cổ đông lớn tại VMS. Trong khi đó, Maserco đã bán 420,000 cp VMS. Cả 2 tổ chức này đều có mối quan hệ mật thiết với nhau, bởi Tổng Giám đốc Maserco và Chủ tịch HĐQT TM Holding. Cổ phiếu VMS có thanh khoản khá thấp, nhưng giao dịch của Maserco và TM Holding như làn gió thổi vào giúp thanh khoản đột biến, thậm chí hơn 803,000 cp được khớp lệnh trong phiên 02/05, tạo ra kỷ lục thanh khoản kể từ khi VMS niêm yết trên HNX vào tháng 10/2015.

VNG lỗ quý thứ 10 liên tiếp

Công ty CP VNG (VNZ) công bố báo cáo kết quả kinh doanh quý I/ 2024 với doanh thu thuần đạt 2.259 tỷ đồng, tăng trưởng 22% so với cùng kỳ năm trước. Tuy công ty vẫn ghi nhận lỗ sau thuế nhưng tình hình đã cải thiện so với cùng kỳ năm ngoái. Các chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đều giảm, giúp lỗ sau thuế giảm 66% so với cùng kỳ năm trước, từ 90 tỷ đồng xuống còn 31 tỷ đồng. Đây là quý thứ 10 liên tiếp mà VNG báo lỗ kể từ quý IV/ 2021. Ban lãnh đạo VNG cho biết lỗ lũy kế tiếp tục xuất hiện do nhóm công ty tiếp tục thúc đẩy hoạt động quảng cáo các sản phẩm mới và sản phẩm chiến lược. Tổng tài sản của VNG đạt gần 11.000 tỷ đồng, tăng 14% so với đầu năm, với gần 6.200 tỷ đồng là tài sản ngắn hạn. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của VNG đều đang thua lỗ, ngoại trừ Dayone ghi nhận lãi nhẹ.

AAV: Tăng gấp đôi sau 10 phiên

Cổ phiếu AAV của CTCP AAV Group (AAV) tăng mạnh trong bối cảnh công ty liên tục báo lỗ, bản thân cổ phiếu cũng đang nằm trong diện cảnh báo do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số âm. Cổ phiếu này tăng mạnh trong phiên giao dịch ngày 6/5, với 128.500 đơn vị được khớp lệnh giá trần 6.300 đồng/CP. Trong quý 1/2024, AAV Group ghi nhận 1,2 tỷ đồng doanh thu, giảm 98% so với quý 1/2023 và báo lỗ sau thuế 3,345 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 3,348 tỷ đồng.

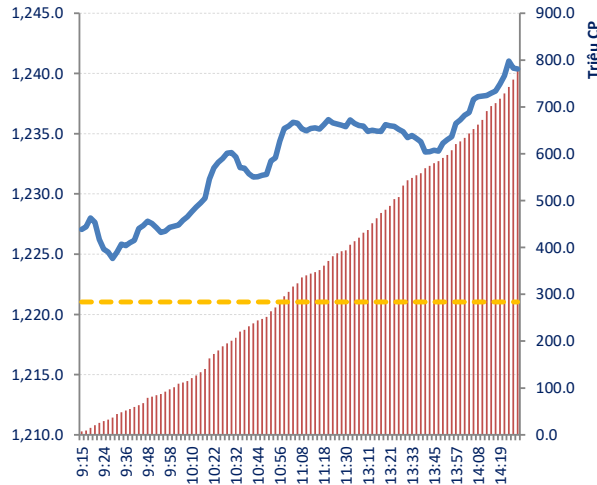
Bất động sản khó khăn, KHG báo lãi quý 1 giảm 77%

CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (KHG) ghi nhận sụt giảm doanh thu thuần và doanh thu tài chính trong quý 1/2024, với doanh thu thuần giảm 86% so với cùng kỳ xuống còn gần 37 tỷ đồng. Doanh thu từ môi giới tăng nhưng doanh thu từ chuyển nhượng hợp đồng mua bán BĐS chỉ xấp xỉ 11 tỷ đồng, cùng kỳ gần 246 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và quản lý giảm khá đáng kể, lần lượt 37% và 17%. Lãi sau thuế của KHG giảm 77% so với cùng kỳ, đạt hơn 5% mục tiêu lợi nhuận 256 tỷ đồng đặt ra cho năm 2024. Tổng tài sản của KHG vào cuối tháng 3/2024 là 6.3 ngàn tỷ đồng, không thay đổi đáng kể so với đầu năm, lượng tiền mặt nắm giữ còn chưa đến 1 nửa (giảm 51%), trong khi nợ phải trả giảm 8% còn hơn 1.1 ngàn tỷ đồng.

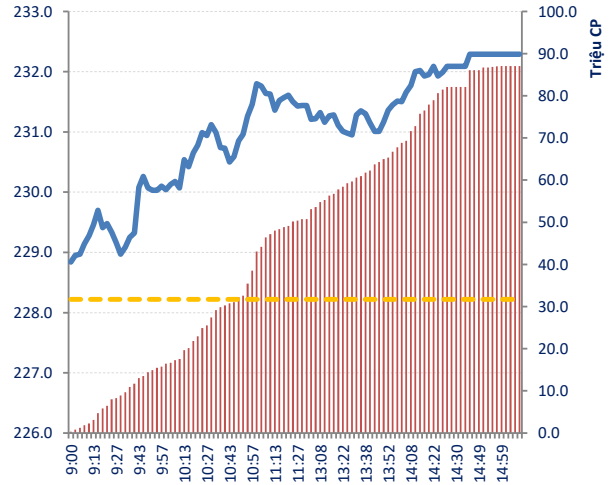


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

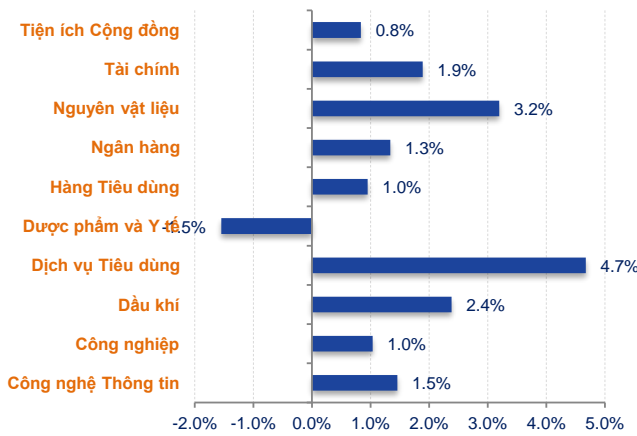
KLGD và VN-Index trong phiên



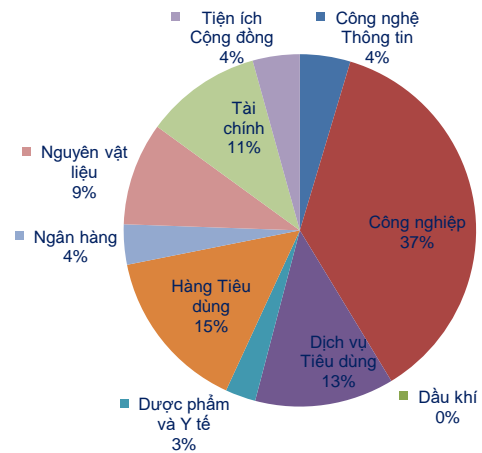
KLGD và HNX-Index trong phiên



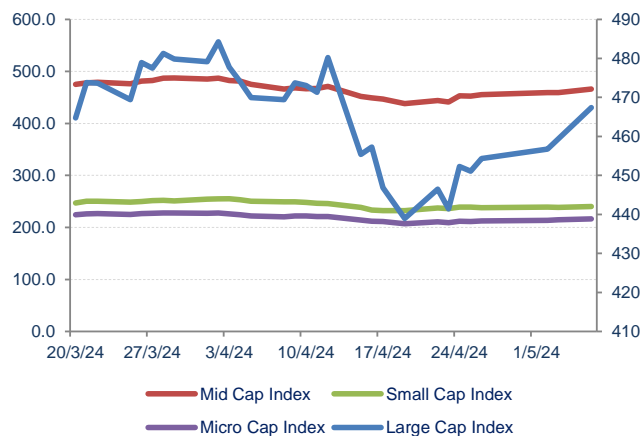
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



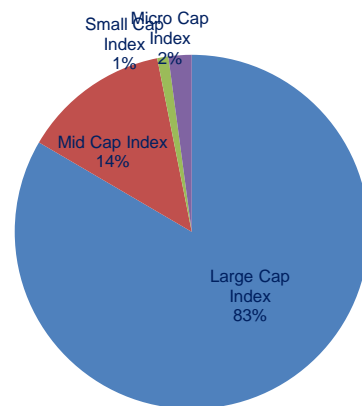
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	1,901,300	FUESSVFL	6,473,100	1	SHS	515,000	CEO	220,900
2	VIX	1,826,400	HDB	4,229,455	2	IDC	422,900	TNG	25,600
3	EVF	1,814,400	VHM	1,554,308	3	PVS	239,500	VC7	10,100
4	MWG	1,782,528	VPB	1,303,500	4	MBS	209,000	C69	9,300
5	DIG	1,612,292	TCB	1,112,000	5	LAS	123,000	NAG	9,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.60	11.75	↑ 1.29%	41,203,100	SHS	18.20	18.80	↑ 3.30%	24,460,632
EIB	17.60	17.95	↑ 1.99%	34,662,873	CEO	18.20	18.80	↑ 3.30%	8,436,429
LPB	20.20	20.30	↑ 0.50%	33,386,400	IDC	59.20	61.50	↑ 3.89%	5,441,720
HPG	28.65	29.30	↑ 2.27%	29,599,900	PVS	39.40	40.60	↑ 3.05%	5,229,372
VIX	16.80	17.60	↑ 4.76%	28,732,500	MBS	26.70	27.70	↑ 3.75%	4,654,622

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NTL	40.75	43.60	2.85	↑ 6.99%	CET	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
VJC	106.00	113.40	7.40	↑ 6.98%	PHN	57.30	63.00	5.70	↑ 9.95%
FTS	54.50	58.30	3.80	↑ 6.97%	CMS	14.10	15.50	1.40	↑ 9.93%
RDP	4.63	4.95	0.32	↑ 6.91%	TJC	14.20	15.60	1.40	↑ 9.86%
BFC	29.70	31.75	2.05	↑ 6.90%	GLT	17.30	19.00	1.70	↑ 9.83%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDP	33.40	31.20	-2.20	↓ -6.59%	VE3	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
HRC	51.00	48.00	-3.00	↓ -5.88%	L43	2.00	1.80	-0.20	↓ -10.00%
HAS	10.30	9.70	-0.60	↓ -5.83%	LCD	24.10	21.70	-2.40	↓ -9.96%
CLL	41.00	39.20	-1.80	↓ -4.39%	HAT	46.30	41.70	-4.60	↓ -9.94%
STG	47.00	45.00	-2.00	↓ -4.26%	NTH	63.50	57.20	-6.30	↓ -9.92%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	41,203,100	15.6%	2,152	5.4	0.8
EIB	34,662,873	9.0%	1,147	15.3	1.3
LPB	33,386,400	21.6%	2,914	6.9	1.4
HPG	29,599,900	9.2%	1,601	17.9	1.6
VIX	28,732,500	12.8%	1,670	10.1	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	24,460,632	5.7%	688	26.5	1.4
CEO	8,436,429	3.0%	402	45.3	1.5
IDC	5,441,720	31.7%	5,880	10.1	3.0
PVS	5,229,372	7.1%	1,992	19.8	1.4
MBS	4,654,622	13.0%	1,475	18.1	2.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NTL	↑ 7.0%	28.8%	6,062	6.7	1.7
VJC	↑ 7.0%	4.9%	1,404	75.5	3.6
FTS	↑ 7.0%	14.8%	2,481	22.0	3.1
RDP	↑ 6.9%	3.5%	428	10.8	0.4
BFC	↑ 6.9%	18.3%	4,105	7.2	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CET	↑ 10.0%	-0.4%	(42)	-	0.6
PHN	↑ 9.9%	39.6%	8,294	6.9	2.5
CMS	↑ 9.9%	0.7%	85	166.6	1.3
TJC	↑ 9.9%	26.3%	4,882	2.9	0.7
GLT	↑ 9.8%	3.1%	547	31.6	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	1,901,300	15.6%	2,057	9.9	1.4
VIX	1,826,400	12.8%	1,670	10.1	1.3
EVF	1,814,400	5.8%	708	18.8	1.1
MWG	1,782,528	4.4%	717	77.7	3.1
DIG	1,612,292	-0.3%	(38)	-	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	515,000	5.7%	688	26.5	1.4
IDC	422,900	31.7%	5,880	10.1	3.0
PVS	239,500	7.1%	1,992	19.8	1.4
MBS	209,000	13.0%	1,475	18.1	2.2
LAS	123,000	12.0%	1,487	12.9	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	516,991	20.0%	5,838	15.8	3.0
BID	280,461	18.1%	3,841	12.8	2.2
VHM	178,965	12.1%	5,074	8.1	0.9
CTG	173,988	16.2%	3,751	8.6	1.3
GAS	170,418	16.4%	4,688	15.8	2.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,536	31.7%	5,880	10.1	3.0
PVS	18,832	7.1%	1,992	19.8	1.4
HUT	15,173	0.7%	97	174.8	1.3
SHS	14,799	5.7%	688	26.5	1.4
THD	13,629	2.5%	395	89.7	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	2.61	-45.6%	(3,445)	-	0.5
KSB	2.46	3.7%	922	22.9	0.8
PSH	2.24	-9.6%	(1,295)	-	0.4
PDR	2.23	7.8%	1,024	26.3	2.1
GEX	2.09	2.5%	625	33.0	0.8

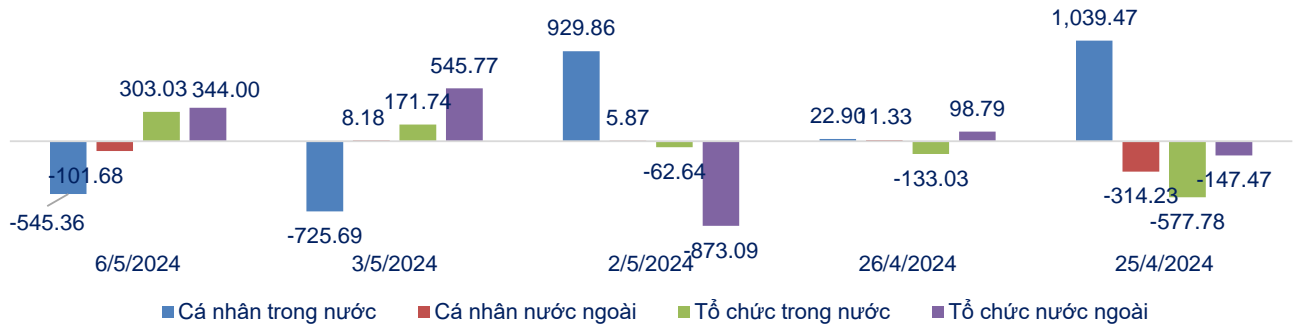
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	4.20	0.8%	97	189.9	1.4
HKT	3.75	1.6%	185	24.9	0.4
VC7	3.16	5.5%	643	18.5	1.1
CEO	2.87	3.0%	402	45.3	1.5
VC2	2.76	2.0%	293	27.7	0.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	87.24	14.6%	3,680	12.0	1.7
HDB	84.70	24.7%	3,833	6.4	1.4
VHM	72.93	12.1%	5,074	8.1	0.9
GMD	44.94	26.2%	8,470	10.1	2.5
FPT	42.05	22.8%	5,338	23.6	5.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-154.76	9.2%	1,601	17.9	1.6
ACB	-55.27	23.0%	4,072	6.8	1.4
HVN	-52.34	0.0%	(642)	-	-
MWG	-41.32	4.4%	717	77.7	3.1
MSN	-40.88	0.8%	215	324.2	2.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	2.13	8.1%	1,423	14.1	1.1
BIC	1.89	0.2%	58	528.0	1.2
SIP	1.84	26.1%	5,701	14.6	3.5
VHM	1.51	12.1%	5,074	8.1	0.9
HDB	1.28	24.7%	3,833	6.4	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-99.27	14.9%	2,310	5.9	0.8
MSN	-3.82	0.8%	215	324.2	2.2
CII	-2.25	5.1%	1,510	11.0	0.6
VJC	-1.90	4.9%	1,404	75.5	3.6
MWG	-1.86	4.4%	717	77.7	3.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	157.65	9.2%	1,601	17.9	1.6
FUESSVFL	131.01	N/A	N/A	N/A	N/A
TCB	81.17	15.2%	5,606	8.6	1.2
ACB	55.27	23.0%	4,072	6.8	1.4
HVN	53.62	0.0%	(642)	-	-

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	-88.83	14.6%	3,680	12.0	1.7
MWG	-60.18	4.4%	717	77.7	3.1
VJC	-44.93	4.9%	1,404	75.5	3.6
FPT	-43.70	22.8%	5,338	23.6	5.0
VIX	-39.96	12.8%	1,670	10.1	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

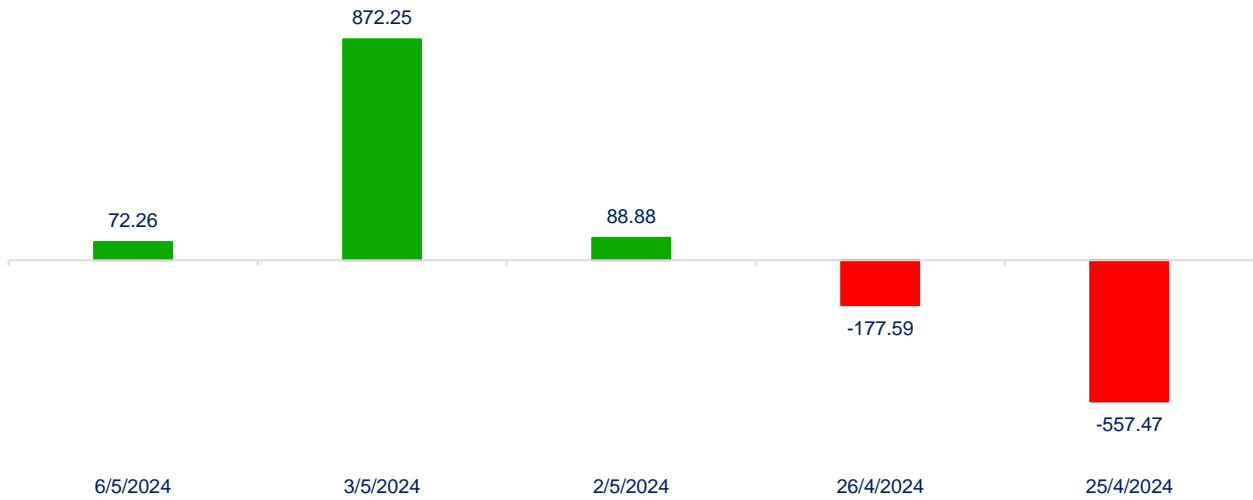
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	105.94	14.9%	2,310	5.9	0.8
MWG	103.36	4.4%	717	77.7	3.1
DIG	44.43	-0.3%	(38)	-	2.1
PDR	41.28	7.8%	1,024	26.3	2.1
VND	39.82	15.6%	2,057	9.9	1.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

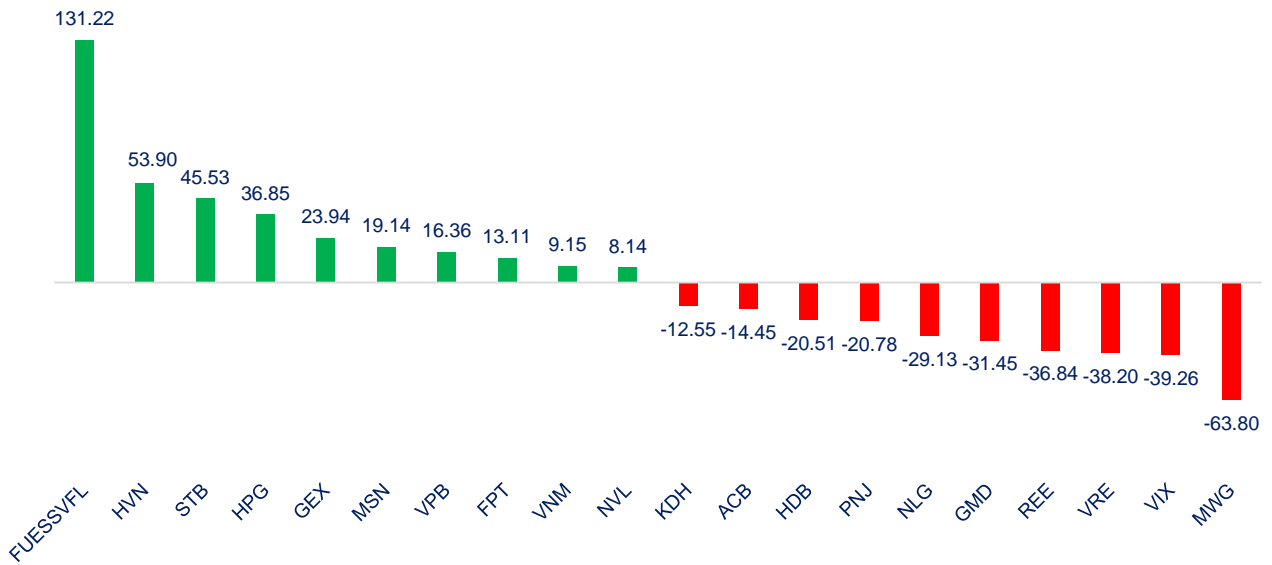
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-131.06	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	-103.08	24.7%	3,833	6.4	1.4
VHM	-65.27	12.1%	5,074	8.1	0.9
TCB	-53.56	15.2%	5,606	8.6	1.2
GMD	-41.59	26.2%	8,470	10.1	2.5



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn